TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Bùi Thị Nhàn

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị P; ĐKTT: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; cư trú tại đội H, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lưu Văn T; ĐKTT: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội M, Phân trại số Y, Trại giam X; địa chỉ: Xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Bùi Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị P và ông Lưu Văn T kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 22 tháng 02 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình ông Lưu Văn T ở thôn N, xã A. Quá trình chung sống, hai bên hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Lưu Văn T không chịu tu chí làm ăn dẫn đến bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Tháng 6 năm 2017, ông Lưu Văn T có hành vi vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Từ khi ông Lưu Văn T bị bắt, do mâu thuẫn nên bà Bùi Thị P đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng và không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ cuối năm 2021, bà Bùi Thị P đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở đội H, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên; hiện tại vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay bà Bùi Thị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lưu Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lưu Khánh T1 - sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009. Ly hôn bà Bùi Thị P đề nghị Tòa án giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do bà Bùi Thị P và ông Lưu Văn T tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà Bùi Thị P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 5 năm 2022, bị đơn ông Lưu Văn T trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, địa điểm vợ chồng chung sống như bà Bùi Thị P đã trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn. Năm 2017, ông Lưu Văn T bị Tòa án xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", hiện tại ông Lưu Văn T đang chấp hành án phạt tù tại Đội M, Phân trại số Y, Trại giam X. Sau khi ông Lưu Văn T phải đi chấp hành án được khoảng 01 năm 06 tháng thì bà Bùi Thị P đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở Hưng Yên sống và không đến thăm gặp ông thường xuyên, lý do là gì ông Lưu Văn T không biết. Nay bà Bùi Thị P xin ly hôn, ông Lưu Văn T đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như bà Bùi Thị P trình bày là đúng. Ly hôn ông Lưu Văn T đồng ý để bà Bùi Thị P được nuôi con chung; việc cấp dưỡng nuôi con do ông Lưu Văn T và bà Bùi Thị P tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông Lưu Văn T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị P và ông Lưu Văn T. Về con chung, giao con chung Lưu Khánh T1 - sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009 cho bà Bùi Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Bùi Thị P và ông Lưu Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử vụ án và việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, ông Lưu Văn T có nơi đăng ký thường trú tại thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện A. Bà Bùi Thị P và ông Lưu Văn T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định bà Bùi Thị P và ông Lưu Văn T kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 22 tháng 02 năm 2007. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Bùi Thị P và ông Lưu Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Bùi Thị P và ông Lưu Văn T.

[3] Về con chung: Bà Bùi Thị P và ông Lưu Văn T có 01 con chung Lưu Khánh T1 - sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009. Ly hôn bà Bùi Thị P và ông Lưu Văn T đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho bà Bùi Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do các đương sự tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy quan điểm các đương sự đưa ra là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện

vọng của con chung nên được chấp nhận. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung hoặc về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị P và ông Lưu Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Bùi Thị P và ông Lưu Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Lưu Khánh T1 - sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009 cho bà Bùi Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tạm thời không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị P phải nộp 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Bùi Thị P đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004159 ngày 26 tháng 4 năm 2022) nên trả lại cho bà Bùi Thị P 225.000 đồng.

Ông Lưu Văn T phải nộp 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã A (ĐKKH số 01/2007);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch